

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 27/2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định đối tượng và mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ hằng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét Tờ trình số 0242/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết quy định về đối tượng và mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ hằng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 211/BC-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 010030/UBND-NV ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm tra và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng và mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ hằng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định đối tượng và mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ hằng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về đối tượng và mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ hằng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp tuất, gồm:

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

- c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- đ) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- e) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh;
- g) Bệnh binh;
- h) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
- i) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- k) Người có công giúp đỡ cách mạng;
- l) Thân nhân liệt sĩ;
- m) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- n) Thân nhân của người có công với cách mạng đang hưởng chế độ trợ cấp tuất.

2. Đại diện gia đình của Bà mẹ Việt Nam anh hùng (đã chết); người thờ cúng liệt sĩ (đã có quyết định thờ cúng); người phục vụ: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.

3. Người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo các văn bản sau: Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

4. Đại diện gia đình của quân nhân, công nhân viên quốc phòng đang công tác tại đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1; gia đình của quân nhân đang công tác tại Đội K (Trình sát ngoại biên tại Campuchia) và gia đình của quân nhân đang công tác tại Đội K51 thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ tại Campuchia).

5. Người hưởng lương hưu và trợ cấp hàng tháng do Bảo hiểm xã hội tỉnh chi trả.

6. Các cơ quan, đơn vị tham gia làm nhiệm vụ trực chiến, trực tiếp đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trực tiếp phục vụ Nhân dân xuyên suốt trong thời gian dịp tết Nguyên đán.

7. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thăm, tặng quà đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Một người thuộc hai đối tượng trở lên theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này chỉ được nhận 01 suất quà với mức cao nhất trong cùng một dịp tết Nguyên đán hoặc ngày Thương binh - Liệt sĩ. Trừ trường hợp người đang đảm nhận thờ cúng liệt sĩ đồng thời là đối tượng người có công với cách mạng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, ngoài mức được hưởng theo quy định đối với người có công với cách mạng thì được hưởng thêm suất quà đối với người thờ cúng liệt sĩ.

3. Đối với người thờ cúng liệt sĩ nhận số suất quà theo số lượng liệt sĩ đang thờ cúng.

4. Đối tượng đã được lãnh đạo tỉnh thăm, tặng quà trong cùng một dịp tết Nguyên đán hoặc ngày Thương binh - Liệt sĩ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này thì không được nhận quà theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 4. Mức chi thăm, tặng quà

1. Mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức chi thăm, tặng quà nhân dịp ngày Thương binh - Liệt sĩ được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức chi thăm, tặng quà đối với người có công với cách mạng và cơ quan, đơn vị được lãnh đạo tỉnh đi thăm nhân dịp tết Nguyên đán và ngày Thương binh - Liệt sĩ được thực hiện theo Kế hoạch và quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Trong trường hợp phát sinh đối tượng theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhưng không quá 6.000.000 đồng đối với 01 tập thể và 3.000.000 đồng đối với 01 cá nhân.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) về việc quy định mức quà tặng cho các đối tượng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 và tết Nguyên đán hàng năm trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Trường hợp các văn bản viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

Phụ lục I
ĐỐI TƯỢNG, MỨC CHI THĂM, TẶNG QUÀ
NHÂN DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN HÀNG NĂM
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND
ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Số thứ tự	Đối tượng	Đơn vị tính (VNĐ)	Mức chi
01	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	Đồng/người	1.200.000
02	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	Đồng/người	1.200.000
03	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Đồng/người	1.200.000
04	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	Đồng/người	1.200.000
05	Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Đồng/người	1.200.000
06	Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%	Đồng/người	600.000
07	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Đồng/người	600.000
08	Người có công giúp đỡ cách mạng	Đồng/người	600.000

09	Thân nhân liệt sĩ	Đồng/người	600.000
10	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Đồng/người	600.000
11	Thân nhân của người có công với cách mạng đang hưởng chế độ trợ cấp tuất	Đồng/người	600.000
12	Đại diện gia đình của Bà mẹ Việt Nam anh hùng (đã chết); người thờ cúng liệt sĩ (đã có quyết định thờ cúng)	Đồng/người	600.000
13	Người phục vụ: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Đồng/người	600.000
14	Người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo các văn bản sau: Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg	Đồng/người	600.000
15	Đại diện gia đình của quân nhân, công nhân viên quốc phòng đang công tác tại Đảo Trường Sa, nhà giàn DK1; gia đình của quân nhân đang công tác tại Đội K (Trình sát ngoại biên tại Campuchia) và gia đình của quân nhân đang công tác tại Đội K51 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ tại Campuchia)	Đồng/hộ	500.000
16	Người hưởng lương hưu và trợ cấp hàng tháng do Bảo hiểm xã hội tỉnh chi trả	Đồng/người	500.000

Phụ lục II
ĐỐI TƯỢNG, MỨC CHI THĂM, TẶNG QUÀ
NHÂN DỊP NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND
ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Số thứ tự	Đối tượng	Đơn vị tính (VNĐ)	Mức chi
01	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Đồng/người	1.200.000
02	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	Đồng/người	1.200.000
03	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	Đồng/người	1.200.000
04	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	Đồng/người	1.200.000
05	Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Đồng/người	1.200.000
06	Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%	Đồng/người	600.000
07	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Đồng/người	600.000
08	Người có công giúp đỡ cách mạng	Đồng/người	600.000
09	Thân nhân liệt sĩ	Đồng/người	600.000
10	Đại diện gia đình của Bà mẹ Việt Nam anh hùng (đã chết); người thờ cúng liệt sĩ (đã có quyết định thờ cúng)	Đồng/người	600.000

Phụ lục III
MỨC CHI THĂM, TẶNG QUÀ CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ TIÊU BIỂU
ĐƯỢC LÃNH ĐẠO TỈNH ĐI THĂM, TẶNG QUÀ NHÂN DỊP TẾT
NGUYỄN ĐÁN VÀ NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND
ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Số thứ tự	Đối tượng	Mức thăm tặng quà		
		Đơn vị tính	Tiền mặt (VNĐ)	Quà hiện vật
I	Cá nhân			
01	Người có công với cách mạng được lãnh đạo tỉnh đi thăm, tặng quà	Đồng/người	2.500.000	500.000
II	Tập thể			
01	Các cơ quan, đơn vị, tham gia làm nhiệm vụ trực chiến, trực tiếp đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trực tiếp phục vụ Nhân dân xuyên suốt trong thời gian dịp tết Nguyên đán	Đồng/đơn vị	5.000.000	1.000.000